TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên

Trong các ngày 29 tháng 11 năm 2018 và 31 tháng 5, 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T,** sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Lê Văn Hồng P,** sinh năm 1975; (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Thu H,** sinh năm 1979; (Vắng mặt)

3. Chị **Lê Thị Anh T1,** sinh năm 2000; (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, bà Trần Thị T trình bày:*

Trong năm 2015 và 2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P và con là chị Lê Thị Anh T1 có mượn tiền của bà 05 lần chưa trả, cụ thể như sau: Mượn 100.000.000 đồng vào ngày 30-10-2015 âm lịch, tháng đầu tiên có đóng lãi được lần đầu với số tiền 3.000.000 đồng; ngày 27-11-2015 âm lịch mượn 26.000.000 đồng; ngày 05-3-2016 âm lịch, mượn 10.500.000 đồng; ngày 09-3-2016 âm lịch mượn 3.000.000 đồng; ngày 24-3-2016 âm lịch mượn 10.000.000 đồng, tất cả các lần vay tiền đều thỏa thuận lãi 30.000đồng/1 tháng/1.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ trả lãi được 3.000.000 đồng đối với 100.000.000 đồng vay ngày 30-10-2015 âm lịch, còn các lần khác đều không trả lãi. Các lần mượn đều có làm biên nhận do bà H tự viết và ký tên, ông P và chị T1 cũng có ký tên vào biên nhận. Bà H có tham gia tiền góp và trả cho bà được 9.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền lãi, nay bà đồng ý trừ số tiền lãi 3.000.000 đồng vào tiền vốn nên nay bà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 137.500.000 đồng tiền nợ vay và lãi tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy dịnh kể từ lần vay tiền sau cùng là ngày 24-3-2016 âm lịch cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, trả 01 lần.

Ngoài ra, bà H, ông P, chị T1 còn tham gia 01 dây hụi do bà làm chủ thảo, hụi mùa 10.000.000 đồng, mỗi năm khui 03 lần; lần đầu khui vào vụ 3 năm 2015 (tháng 8-2015 âm lịch); hụi có 11 phần, bà H tham gia 02 phần, đến lần khui thứ hai bà H hốt 01 phần, chỉ giao 07 phần hụi, nhưng trừ phần hụi còn lại của bà H 10.00.000 đồng nên giao cho bà H 52.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng nên bà H nhận 49.000.000 đồng, có làm biên nhận và bà H, ông P và chị T1 có ký tên. Việc chỉ giao 07 phần hụi là do có 02 phần của bà Xuân không chơi nữa và 02 phần của bà H chơi nên được trừ ra. Sau khi nhận hụi xong thì bà H không đóng hụi chết lại, bà phải tự bỏ tiền ra để đóng thay hụi chết cho bà H 05 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng là 50.00.000 đồng. Nay bà yêu cầu phía bị đơn phải trả cho bà, không yêu cầu tính lãi.

*. *Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Qua yêu cầu khởi kiện của bà T, bà không đồng ý trả, vì:

Đối với biên nhận 100.000.000 đồng ngày 30-10-2015 âm lịch, biên nhận do bà viết, bà ký tên của bà và ký thay tên của ông P, ông P không biết và cũng không có ký vào biên nhận này, chỉ có bà và chị Anh T1 là con bà ký tên. Lý do viết biên nhận này là do bà mượn tiền góp của bà T trước đó nhiều lần nên bà T yêu cầu bà viết biên nhận để đảm bảo trả số tiền góp, thực tế bà chỉ nhận được khoảng hơn 40.000.000 đồng, bà T tính cả vốn và lãi rồi yêu cầu bà viết biên nhận với số tiền 100.000.000 đồng. Khi viết biên nhận có mặt bà, con bà là chị T1 và bà T. Khi viết thì bà T đe dọa bà, nói nếu bà không viết thì sẽ nói sự việc cho chồng và dì chồng của bà biết. Do chồng và dì chồng khó khăn nên bà sợ

mới viết biên nhận vì chồng bà không cho bà chơi hụi, qua lại với bà T. Đối với biên nhận 100.000.000 đồng này, bà T yêu cầu bà tham gia chơi hụi để trừ nợ, cụ thể như sau:

- Tham gia hụi ngày do bà L làm chủ thảo để trả tiền cho bà T, bà T tham gia hụi ngày do bà L ở gần đó (ở xã P) làm đầu thảo, mỗi ngày góp 200.000 đồng, bà góp được 03 tháng 10 ngày được 20.000.000 đồng số tiền này bà đưa cho bà T chơi để trừ nợ cho bà. Phần hụi ngày này mỗi ngày bà T chỉ đóng cho bà L 180.000 đồng nhưng thu của bà 200.000 đồng, lời 20.000 đồng/ngày, đến khi hốt hụi được 19.460.000 đồng thì bà T cũng lấy luôn để trừ vào số tiền trong biên nhận 100.000.000 đồng.

- Tham gia hụi 3.000.000 đồng do bà T làm đầu thảo, khui ngày 15-5-2015 âm lịch, ban đầu bà tham gia 01 phần, nhưng sau đó bà T kêu bà tham gia thêm 03 phần nữa là 04 phần, bà hốt 01 phần vào kỳ ngày 15-6-2015 được 21.900.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng nên còn 20.900.000 đồng, bà T chỉ ra giấy hụi, giữ lại tiền hụi của bà để trừ nợ. Còn lại 03 phần hụi sống, đóng được 02-03 lần nữa khi đủ 21.900.000 đồng thì bà T ụp hụi (kết thúc dây hụi), xem như bà không phải đóng hụi cho bà T nữa.

- Tham gia hụi 10.000.000 đồng/phần, hụi mùa 3 tháng khui 01 lần ngay mùa lúa, có 11 người chơi, bà tham gia 02 phần, kỳ đầu bà T hốt 80.000.000 đồng (bỏ hụi 2.000.000 đồng), sau khi bà T hốt xong thì bà T quy định bỏ hụi 3.000.000 đồng nên những người chơi rút ra còn lại 09 người chơi, đến kỳ thứ hai thì bà hốt được 56.000.000 đồng (7.000.000 x 7 phần + 10.000.000 đã đóng kỳ 1 – 3.000.000 đồng tiền đầu thảo – 9.000.000 đồng phần hụi sống còn lại). Lẽ ra bà T phải giao 47.000.000 đồng cho bà nhưng bà T trừ 45.000.000 đồng vào khoản 100.000.000 đồng theo biên nhận nên chỉ đưa cho bà 2.000.000 đồng, thực tế bà chỉ nhận được 2.000.000 đồng.

Đối với biên nhận 10.500.000 đồng ngày 05-3-2016 âm lịch, bà có ký tên vào biên nhận, đây là tiền góp, bà đã trả rồi nên đã gạch biên nhận, do bà T kêu chỉ gạch ở dưới chữ ký nên bà gạch theo như vậy. Số tiền 3.000.000 đồng ghi ở phần dưới cũng là tiền góp, bà có mượn nhưng đã trả rồi, bà H cũng kêu bà gạch biên nhận ở dưới chữ ký nên bà gạch theo như vậy mà không gạch chéo biên nhận. Chữ ký, chữ viết trong biên nhận là của bà.

Đối với biên nhận 10.000.000 đồng, khởi ngày 24-3-2016 bà có mượn tiền góp nhưng đã trả xong, gạch biên nhận dưới chữ ký, biên nhận này do bà viết.

Đối với biên nhận 26.000.000 đồng ngày 27-11-2015 bà cũng mượn tiền góp của bà T, nhưng bà đã trả rồi, gạch biên nhận dưới chữ ký. Chữ viết, chữ ký trong biên nhận là của bà.

Đối với phần tiền hụi 50.000.000 đồng mà bà T yêu cầu bà, ông P, chị Anh T1 phải trả là tiền hụi mà bà tham gia để trừ vào số tiền biên nhận 100.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả và bà T đã yêu cầu bà tham gia chơi hụi để trừ nợ, nếu tính ra còn thiếu bao nhiêu thì bà cũng đồng ý trả phần còn lại cho đủ 100.000.000 đồng.

Bà T đã thuê công ty đòi nợ TT để đòi nợ nhưng do có chữ trả nợ nên họ không thu được, bà T hù dọa và thuê xã hội đen đòi nợ bà nhiều lần cũng không được nên mới kiện đòi, sau đó bà T rút đơn 02 lần, rồi mới kiện lại lần này.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P và chị Lê Thị Anh T1 phải trả số tiền vay là 137.500.000 đồng và tính lãi từ ngày 24-3-2016 âm lịch theo lãi suất cơ bản của Ngân hành Nhà nước quy định đến khi xét xử sơ thẩm, trả số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết của Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc ông Lê Văn Hồng P, Nguyễn Thị Thu H trả 187.500.000 đồng và tính lãi theo quy định đối với số tiền vay 137.500.000 đồng từ ngày 24-3-2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Hồng P, bà Nguyễn Thị Thu H và chị Lê Thị Anh T1 phải trả số tiền đã vay theo các biên nhận nhận tiền và yêu cầu trả tiền nợ hụi nên căn cứ vào Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi". Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P và chị Lê Thị Anh T1 không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P và chị Lê Thị Anh T1 phải trả số tiền nợ vay là 137.500.000 đồng trên cơ sở các biên nhận tiền được phía bà H thừa nhận do bà H ký và viết biên nhận, có biên nhận có chữ ký của con bà H là chị Lê Thị Anh T1. Bà H cho rằng các biên nhận bà viết cho bà T là do trước đó bà mượn tiền góp nhiều lần nhưng chưa trả nên bà T bắt bà phải viết; còn biên nhận tiền hụi thì bà T cũng đã yêu cầu bà chơi lại các dây hụi khác để trừ. Phía bà H còn cho rằng các biên nhận tiền bà đã trả xong cho bà T, bà T kêu bà gạch biên nhận ở phía dưới chữ ký; bà T còn đe dọa bà phải viết biên nhận nếu không sẽ nói sự việc cho phía gia đình bà biết nên bà mới viết. Những lời trình bày của bà H không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận vì bà H không có chứng cứ gì chứng minh mình đã trả nợ cho phía bà T theo các biên nhận nợ trong khi chính bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết là của mình. Bà H cũng là người đã thành niên, có đủ năng lực để nhận thức nhưng lại cho rằng bị bà T đe dọa sẽ báo cho gia đình bà H biết việc chơi hụi, thiếu tiền góp để buộc bà H viết biên nhận là không có cơ sở. Hơn nữa, bà H cho rằng các biên nhận bà đã trả tiền nên bà T yêu cầu gạch biên nhận ở phía dưới chữ ký của bà cũng là điều vô lý, bởi khi đã trả tiền thì bà H có quyền gạch chéo biên nhận, lấy lại biên nhận hoặc lập biên nhận trả tiền. Cơ quan giám định cũng không xác định được nét gạch phía dưới chữ ký của bà H có trước hay sau so với chữ ký.

Tại mặt sau của biên nhận 26.000.000 đồng (Bút lục 25) thể hiện nội dung "Hường vô 3 phần hụi ngày trả 26.000.000 đồng, 1 ngày chung 300, chung được 30 ngày, vậy số tiền này trừ được chín triệu", bà T cũng thừa nhận bà H đã trả được 9.000.000 đồng ở biên nhận này và đồng ý trừ vào nợ gốc nên phần này phía bà H chỉ còn nợ 17.000.000 đồng.

Bà T cũng thừa nhận số tiền vay 100.000.000 đồng, tháng đầu tiên bà H có đóng lãi cho bà 3.000.000 đồng. Căn cứ vào mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 là 9%/năm thì bà H đã đóng lãi vượt quá quy định, nên tại phiên tòa bà T đồng ý trừ hết số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi mà bà H đã đóng vào tiền vốn và chỉ yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền vay kể từ ngày mượn nợ sau cùng.

Đối với số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng, phía bà H thừa nhận có chơi hụi, có giấy hốt hụi; phía bà H cho rằng đã chơi lại các dây hụi khác do bà T làm chủ thảo để trả nhưng không được bà T thừa nhận, phía bị đơn cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh là đã trả số tiền hụi này cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu trả là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Văn Hồng P mặc dù không trực tiếp tham gia vào các giao dịch vay tiền, nhận tiền hụi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến gì về việc vay tiền, chơi hụi của bà H; đồng thời cũng không có chứng cứ gì

chứng minh việc vay tiền, chơi hụi chỉ nhằm phục vụ cho cá nhân bà H trong khi bà H, ông P đang tồn tại quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần thiết buộc ông P cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà H. Đối với chị Lê Thị Anh T1 khi ký tên vào biên nhận tiền hụi, chị T1 chưa đủ 18 tuổi, khi làm biên nhận có mặt nên bị bà T yêu cầu phải ký tên mới cho phía bà H nhận tiền nên việc bà T yêu cầu cả chị T1 cùng trả nợ là không có cơ sở.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền vay của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi 30.000đồng/1.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, qua xem xét các biên nhận nợ giữa hai bên đều không có thể hiện lãi suất. Giao dịch giữa các bên xảy ra trước ngày 01-01-2017 nên phần lãi suất cũng chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa bà T yêu cầu tính lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà T yêu cầu tính lãi kể từ ngày giao dịch vay tiền cuối cùng giữa các bên là ngày 24-3-2016 âm lịch (tương ứng ngày 30-4-2016 dương lịch) là có lợi cho các bị đơn nên chấp nhận. Như vậy từ ngày 30-4-2016 đến ngày 06-6-2019 là 03 năm 02 tháng 07 ngày, lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 là 9%/năm, tương ứng với số tiền lãi là 39.424.829 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bà T phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là yêu cầu chị Anh T1 cùng trả nợ (án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng). Bà H, ông P cùng phải chịu án phí có giá ngạch (5%) đối với số tiền phải trả (50.000.000 đồng tiền nợ hụi; nợ vay: 137.500.000 đồng tiền vốn và 39.424.829 đồng tiền lãi) là 11.346.241 đồng.

[6] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì giao dịch của các bên đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực mà phát sinh tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết về phần nội dung; thời hiệu được áp dụng theo Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy có phần phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 479 khoản

2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 468, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P phải trả số tiền nợ vay là 176.924.829 đồng (trong đó có 137.500.000 đồng tiền vốn và 39.424.829 đồng tiền lãi) và 50.000.000 đồng tiền nợ hụi. Tổng cộng là 226.924.829 (Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi chín) đồng. Trả làm một lần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T buộc chị Lê Thị Anh T1 phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với ông Lê Văn Hồng P, bà Nguyễn Thị Thu H.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 4.987.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14914 ngày 26-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trừ vào án phí, bà T được nhận lại 4.687.000 (Bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P phải chịu 11.346.241 (Mười một triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn Hồng P và chị Lê Thị Anh T1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 6 năm 2019, vắng mặt các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực